

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HS-ST
Ngày: 11-6 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Khắc Quế; ông Hoàng Xuân Ty.

- Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Bá Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2024/HSST ngày 13 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Phúc L**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm: 1998; tại: Quảng Ngãi; Nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn X, xã T, huyện B, Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; con ông: Nguyễn Văn S và bà: Bùi Thị Thu H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/11/2023 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH một thành viên chuyển phát nhanh T– chi nhánh Tây nguyên; địa chỉ trụ sở: Lô K, đường số H, Cụm công nghiệp T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc chi nhánh; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn Ú sinh năm 1986; địa chỉ: Số M đường N, phường B', TP. B, Lâm Đồng, vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Minh Phương, sinh năm 1997; địa chỉ: Số G đường T, phường L, TP. B, Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyên phát nhanh T– chi nhánh Tây Nguyên (gọi tắt là Công ty TNHH MTV T– chi nhánh Tây Nguyên) được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0313617136 – 001 đăng ký lần đầu ngày 04/05/2018 hoạt động theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyên phát nhanh T, đại diện theo pháp luật là ông Lưu Hy V, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV T– chi nhánh Tây Nguyên là ông Nguyễn Văn H – giám đốc chi nhánh.

Ngày 27/11/2018, Công ty TNHH MTV T– chi nhánh Tây Nguyên thành lập Bưu cục B 02 tại địa chỉ B T, phường L, thành phố B theo giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, mã địa điểm kinh doanh là 00032. Ngày 19/06/2022, Công ty TNHH MTV T - Chi nhánh Tây Nguyên ký hợp đồng lao động số 093125-22/HĐ-LĐ với Nguyễn Phúc L, nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, thời gian hợp đồng 12 tháng kể từ ngày 19/06/2022 đến ngày 19/06/2023, địa điểm làm việc ở B, T, phường L, thành phố B (Bưu cục B L 02), chức vụ theo hợp đồng lao động là Shipper (Nhân viên giao hàng), công việc được giao theo hợp đồng lao động là: Tìm kiếm khách hàng, giao nhận, xử lý, phân hàng, đóng gói, vận chuyển sản phẩm. Trong ngày làm việc, thay mặt công ty nhận các khoản cước, phí và chi phí phát sinh khác từ khách hàng và bàn giao đầy đủ lại cho công ty vào cuối ca làm việc trong ngày. Tuy nhiên do tính chất công việc, L được ông Nguyễn Văn Ú (Trưởng bưu cục) đồng ý cho phép có thể để đến ngày hôm sau mới giao tiền lại cho công ty còn kế toán vẫn sẽ xác nhận đã nhận tiền từ L để báo cáo về Chi nhánh Công ty T tại Đắk Lắk. Quá trình làm việc L được cấp 01 tài khoản nhân viên số 263A0293125 mang tên nhân viên Nguyễn Phúc L để đăng nhập vào ứng dụng riêng của công ty (J&T Sprinter) là ứng dụng để nhân viên giao hàng thực hiện thao tác quét nhận hàng tại bưu cục và đi giao, sau khi giao thành công thì quét phát hàng thành công để công ty theo dõi giám sát.

Vào sáng ngày 20/04/2023, L nhận bàn giao 73 đơn hàng với giá trị 25.643.255 đồng (Gồm tiền cước phát hàng và tiền COD - giao hàng thu hộ tiền) từ người bàn giao là bà Nguyễn Thị Minh Ph, kế toán bưu cục để đi giao cho khách hàng và thu tiền, khi nhận bàn giao đơn hàng, ngoài việc xác nhận trên ứng dụng J&T Sprinter L đã ký nhận bàn giao hàng trên sổ bàn giao tiền – hàng ngày 20/04/2023. Đồng thời ngoài 73 đơn hàng đã nhận vào ngày 20/04/2023 L còn 05 đơn hàng với giá trị 13.708.200 đồng đã nhận trước ngày 20/04/2023 chưa giao được cho khách hàng hoặc đã giao cho khách hàng nhưng L chưa giao kịp về công ty mà giữ lại để nộp công ty vào ngày 20/04/2023 nên chưa xác nhận đã giao hàng trên ứng dụng J&T Sprinter, việc giao tiền trễ này L có thông báo cho ông Ú và bà Ph biết và đồng ý. Trong ngày 20/04/2023 L đã giao thành công 67/73 đơn hàng, thu được số tiền 25.387.575đ (Bao gồm 54 đơn thu tiền và 13 đơn 0 đồng) đã xác nhận giao hàng thành công trên ứng dụng J&T Sprinter và giao xong 05 đơn hàng trước đó thu đủ số tiền 13.708.200 đồng, tổng cộng L đã giao thành công 72 đơn hàng trong ngày 20/04/2023 và thu về số tiền 39.095.775 đồng, còn 06 đơn hàng chưa giao được, lúc này L nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền đơn hàng đã thu của công ty nên sau đó L chỉ trả lại công ty 06 đơn hàng chưa giao thành công trong ngày còn số tiền 39.095.775 đồng đã thu L không giao nộp về công ty theo quy định. Đến sáng ngày 21/04/2023 sau khi được phía công ty yêu cầu giao lại tiền, L vẫn không trả tiền cho

công ty mà chỉ đăng nhập vào ứng dụng J&T Sprinter để xác nhận giao hàng thành công 05 đơn hàng nhận trước ngày 20/04/2023. Tổng số tiền Nguyễn Phúc L đã chiếm đoạt của Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T là 39.095.775 đồng, số tiền này sau đó L đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi chiếm đoạt tiền của công ty, L có liên hệ ông Út để đề nghị cản trừ vào lương của L chưa nhận và cam kết số tiền còn lại sẽ trả lại sau 1 tuần, tuy nhiên sau đó L không thực hiện cam kết, phía công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T đã thực hiện cản trừ tiền lương và tiền ký quỹ của L tại công ty là 11.874.500 đồng để bù vào số tiền L đã chiếm đoạt, còn lại số tiền 27.221.275 ngày 19/05/2023 ông Nguyễn Văn S (bố của L) đã trả lại cho công ty.

Tại công văn số 1810 ngày 18/10/2023 của Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T– chi nhánh Tây Nguyên cung cấp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố B có nội dung như sau:

- Hiện ngoài hợp đồng lao động ngày 19/06/2022 của Nguyễn Phúc L, Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T– chi nhánh Tây Nguyên không còn lưu giữ giấy tờ khác liên quan.

- Tài khoản 263A0293125 đã xóa khi Nguyễn Phúc L nghỉ việc nên không thể trích xuất thông tin, sao chụp tài khoản.

- Hiện công ty đã sử dụng phần mềm khác nên không thể trích xuất sao chụp lại dữ liệu danh sách đơn hàng L đã ký nhận và giao thành công trên hệ thống, danh sách đơn Nguyễn Phúc L giao thành công nhưng chưa đưa tiền về công ty đã nộp lên Cơ quan điều tra.

- Không còn tài liệu lưu trữ trên sổ sách và dữ liệu điện tử về rà soát kho hàng liên quan đến đơn hàng Nguyễn Phúc L giao thành công nhưng chưa ký nhận.

Tại kết luận giám định chữ viết chữ ký số 1260 ngày 25/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Phúc L trong sổ bàn giao tiền – hàng hóa ngày 20/04/2023 và mẫu chữ ký, chữ viết thu thập của Nguyễn Phúc L là của cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Minh Ph trong sổ bàn giao tiền – hàng hóa ngày 20/04/2023 và mẫu chữ ký, chữ viết thu thập của Nguyễn Thị Minh Ph là của cùng một người viết ra.

Về vật chứng: Hiện Cơ quan CSĐT Công an thành phố B không thu giữ vật chứng gì liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T, đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Xuân T không có yêu cầu về dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không thắc mắc khiếu nại gì đối với nội dung bản cáo trạng. Bản Cáo trạng số 75/CT-VKSBL ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Phúc L về tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ

luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo L từ 24 đến 30 tháng tù và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về phần Dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét. Buộc bị cáo L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định tội: Nguyễn Phúc L là nhân viên giao hàng của Công ty TNHH MTV Chuyển phát nhanh T - Chi nhánh tây nguyên theo hợp đồng lao động số 093125-22/HĐ-LĐ ngày 19/06/2022, là người có chức vụ, quyền hạn giao hàng, thu nhận tiền và có trách nhiệm quản lý tài sản trước khi bàn giao đầy đủ lại cho công ty vào cuối ca làm việc trong ngày. Vào ngày 20/04/2023 L đã thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao để nhận 72 đơn hàng từ Bru cục Bảo L 02 của Công ty T - Chi nhánh Tây Nguyên ở địa chỉ B, T, phường L, thành phố B giao cho khách hàng và thu số tiền 39.095.775 đồng gồm tiền thu hộ và cước phí nhưng L không chuyển về công ty theo quy định mà chiếm đoạt số tiền 39.095.775 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội “Tham ô tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, đồng thời xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân tốt, không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn bãi nại nên được áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phúc L** phạm tội “Tham ô tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo L phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Đình Tú

